TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Lê Thị Nhanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2353/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ C, A Chung cư M, X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Yamamoto T, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Quốc tịch: Nhật Bản.

Địa chỉ: 5 S, Kasaoka City Okayama Prefecture J.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Bản tự khai ngày 15 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Yamamoto T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 21 tháng 5 năm 2007, vào Sổ đăng ký

kết hôn số 182 quyển số 01 ngày 07 tháng 6 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm không phù hợp. Ông Yamamoto T đã trở về Nhật Bản sinh sống từ tháng 8/2019 đến nay, bà ở lại Việt Nam. Hiện nay hai bên không liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Yamamoto T.

Về con chung: Bà và ông Yamamoto T có một con chung tên Yamamoto M, sinh ngày 04/9/2006, con chung hiện nay đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Yamamoto T cấp dưỡng cho con chung là 26.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Yamamoto T được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các thủ tục tống đạt triệu tập đương sự hợp lệ theo quy định nhưng không có lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L khai không còn tình cảm với ông Yamamoto T, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Theo bà L khai thì bà và ông Yamamoto T có 01 con chung tên Yamamoto M, sinh ngày 04/9/2006, hiện con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của trẻ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà L. Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông Y Tsutomu cấp dưỡng 26.000.000 đồng/tháng nhưng xét mức chi phí này có những khoản không có tài liệu chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí 20.000.000 đồng/tháng và buộc ông Yamamoto T chịu 1/2 chi phí nuôi con với bà L là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn hiện đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông Yamamoto T cư trú tại Nhật Bản. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn cư trú ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L.

Đối với ông Yamamoto T, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho ông Y Tsutomu theo quy định pháp luật nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Yamamoto T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Yamamoto T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 21 tháng 5 năm 2007, vào Sổ đăng ký kết hôn số 182 quyển số 01 ngày 07 tháng 6 năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về tính tình, quan điểm sống. Tháng 8/2019, ông Yamamoto T trở về Nhật Bản, bà L ở lại Việt Nam, hai bên sống riêng từ đó đến nay. Nay bà Nguyễn Thị L xác nhận không còn tình cảm với ông Yamamoto T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía ông Yamamoto T đã được Tòa án ủy thác tư pháp thông báo yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L và ngày, giờ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được trả lời của ông Yamamoto T. Điều này cho thấy ông Yamamoto T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà L, như vậy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Nguyễn Thị L xin ly hôn ông Yamamoto T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Yamamoto T có 01 con chung tên Yamamoto M, sinh ngày 04/9/2006 (nữ).

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L yêu cầu được nuôi con chung tên Yamamoto M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi ông Yamamoto T trở về Nhật Bản, trẻ Yamamoto M tiếp tục sống tại Việt Nam cùng bà L, được bà L chăm sóc tốt, trẻ được đi học và phát triển đầy đủ về mọi mặt. Đối với bà L lối sống của bà không có vấn đề gì cần lưu ý.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Yamamoto Miyuki ngày 20/4/2021, trẻ Yamamoto Miyuki có nguyện vọng được sống với mẹ. Về phía bị đơn ông Yamamoto T đã được Tòa án thông báo yêu cầu được nuôi con chung của bà L nhưng ông Yamamoto T không có ý kiến. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của trẻ, nghĩ cần giao con chung tên Yamamoto M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con muốn được sống chung với mẹ. Do đó, yêu cầu của bà L xin được nuôi con chung là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Yamamoto T cấp dưỡng cho con 26.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con. Đồng thời, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Bà L trình bày chi phí nuôi con chung bao gồm: Tiền ăn: 9.000.000 đồng; Tiền sữa: 2.000.000 đồng; T1 học ở trường: 3.000.000 đồng; T1 học thêm 04 môn (gia sư): 6.000.000 đồng; Tiền học đàn: 2.000.000 đồng; T1 phí sinh hoạt: 1.000.000 đồng; Tiền quần áo, giày dép: 1.000.000 đồng; T1 xăng (hoặc xe G): 1.000.000 đồng; Tiền điều trị bệnh chàm + viêm mũi: 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 26.000.000 đồng/tháng. Bà L thừa nhận các khoản chi phí này không có biên nhận hoặc tài liệu chứng minh, các chi phí này là tiêu chuẩn nuôi con của người nước ngoài vì trẻ Yamamoto M là người nước ngoài.

Hội đồng xét xử xét, các chi phí do bà L cung cấp đều là những chi phí cần thiết cho nhu cầu thiết yếu của trẻ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận ở mức 20.000.000 đồng/tháng để nuôi trẻ Yamamoto Miyuki vì có những khoản chi phí bà L không chứng minh được. Để chia sẻ trách nhiệm nuôi con, nghĩ cần buộc ông Yamamoto T cùng bà L có nghĩa vụ đối với chi phí nuôi con 20.000.000 đồng/tháng, cụ thể cần buộc ông Yamamoto T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 10.000.000 đồng/tháng.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Yamamoto T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Yamamoto Miyuki là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L khai không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Yamamoto T phải nộp án phí cấp dưỡng định kỳ theo mức án phí không có giá giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 477, Điều 479, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Yamamoto T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Yamamoto M, sinh ngày 04/9/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Yamamoto T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 30/3/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0093600 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Yamamoto T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên

32-HNST-211 21
1 000101 733219
12.04.2021 16:02
Nguyễn Thị Lời